TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2024/DS-PT
Ngày 16/5/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Trâm Anh

Bà Đặng Thị Bích Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 tháng 4 và 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 01 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2023/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 154/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị D (N), sinh năm 1967; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A Chợ A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Đinh Thị P, sinh năm 1966; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1964. (chồng bà P, có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà D và ông T: Luật sư Đỗ Phú K- thuộc Công ty L - Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Người làm chứng: Bà Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp A Chợ A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Bà Đinh Thị P - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 5 năm 2021 của nguyên đơn bà Trần Thị D (sau đây gọi tắt là bà D) trình bày:

Ngày 15/02/2020 âm lịch bà D có cho bà Đinh Thị P *(sau đây gọi tắt là bà P)* vay 70.000.000 đồng, không có tính lãi suất, khi vay chỉ thoả thuận bằng lời nói, không có làm văn bản, bà P nói vay để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp Ngân hàng nhằm lấy quyền sử dụng đất chuyển nhượng cho người khác và cam kết đến ngày 19/4/2020 âm lịch bà P trả tiền vay cho bà D. Đến ngày 28/02/2020 âm lịch bà P trả cho bà D 30.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng bà P hẹn đến ngày 19/4/2020 âm lịch sẽ trả và hai bên có làm biên nhận bà P thiếu bà D 40.000.000 đồng do bà P ký tên nhưng biên nhận do bà P giữ nên bà D có nhờ người cháu gần nhà viết biên nhận và bà D đem qua cho bà P ký. Sau này bà D mới biết là đất chuyển nhượng là của chị họ hàng của bà P chứ không phải chuyển nhượng đất của bà P.

Nay bà D yêu cầu bà P và ông Huỳnh Văn T *(sau đây gọi tắt là ông T)* liên đới trả số tiền vay còn thiếu là 40.000.000 đồng, bà D không yêu cầu tính lãi.

Theo Bị đơn bà Đinh Thị P trình bày:

Bà P không đồng ý theo lời trình bày của bà D, bà P chỉ gặp bà D 03 lần tại nhà của bà P: lần thứ 01 gặp bà D vào khoảng tháng 11 năm 2019 là bà D hỏi thăm có ai chuyển nhượng đất chỉ cho bà D chuyển nhượng, lần thứ 02 bà D qua gặp bà P hỏi có người cần chuyển nhượng đất chưa để giới thiệu nhận tiền hoa hồng lần này bà D mới giới thiệu bà D làm cò đất, hai lần gặp bà D thì ông T đều có mặt ở nhà; Lần thứ 3 vào khoảng tháng 12 năm 2019 bà D đến nhà gặp bà P và nói có người mua đất rồi sẽ chia hoa hồng cho bà P 100.000.000 đồng và đưa cuốn tập học sinh xin chữ ký của bà P, bà P không chịu ký thì bà D nói trước giờ làm ăn bà D đều yêu cầu xin chữ ký để sau này dễ chia tiền hoa hồng nên bà P mới ký tên vào cuốn tập giữa trang giấy thì bà D không đồng ý, bà D yêu cầu bà P ký lại vào cuối trang giấy trắng không có chữ viết nào, thời điểm bà P ký tên thì chỉ có mặt bà D và bà P ngoài ra không có ai khác. Mỗi lần bà D gặp bà P khoảng thời gian 02 giờ (tiếng) là ra về. Bà P thừa nhận chữ ký và viết tên bà D cung cấp cho Toà án là do bà P tự ký và viết tên nhưng khi bà P ký là giấy trắng không có chữ nào. Từ trước đến nay bà P và ông T không có vay tiền của bà D cũng không

có việc bà P trả cho bà D số tiền 30.000.000 đồng. Bà P không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T trình bày:
Khi bà P ký tên không có mặt ông T, sau này bà D gửi đơn yêu cầu tại ấp ông T mới nghe bà P nói là có ký tên trên giấy trắng cho bà D, ông T không có vay tiền gì của bà D cũng không có trả tiền cho bà D nên không đồng ý theo yêu cầu của bà D.

**** bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2023/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị D đối với bị đơn bà Đinh Thị P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Đinh Thị P và ông Huỳnh Văn T liên đới trả cho bà Trần Thị D số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Đơn kháng cáo ngày 20/10/2023 của bị đơn bà Đinh Thị P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 63/2023/DS-ST ngày 17/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng. Lý do: bà không đồng ý với quyết định của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn: Vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không đồng ý nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Luật sư K tranh luận cho rằng: Tại giai đoạn sơ thẩm bà D có quan điểm không nhất quán, trong đơn khởi kiện và các lời khai của bà D trình bày sai ngày, tháng cho bà P vay, điều này thể hiện việc cho vay không xảy ra, nhưng dữ kiện cho vay lúc này, lúc khác. Người làm chứng không chứng kiến trực tiếp việc cho vay, chỉ nghe bà D trình bày rồi ghi lại nên không khách quan, trong khi phía bà D, bà P đều biết chữ mà không tự lập giấy nợ. Việc bà D cho rằng giữa hai bên có thỏa thuận việc môi giới nhận tiền mua bán đất mỗi người 100.000.000 đồng, đòi hỏi giá mua bán đất phải lớn, qua lời trình bày, nhận thức của bà P thể hiện sự trung thực. Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm cũng không đưa con rể của bà D tham gia tố tụng để làm rõ. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không chấp nhận nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên

tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bà P, Hội đồng xét xử xét việc nguyên đơn bà D khởi kiện bà P và cung cấp chứng giấy mượn tiền trong giấy thể hiện nội dung bà P còn nợ 40.000.000 đồng hẹn đến ngày 19/4/2020 (âm lịch) trả đủ (bút lục 38), phía bà P thừa nhận chữ ký và viết tên trong giấy mượn tiền nhưng cho rằng ký vào tờ giấy trắng, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào chứng cứ trong hồ sơ xử buộc phía bà P trả tiền là hoàn toàn phù hợp pháp luật. Phía bà P kháng cáo cho rằng bà viết và ký tên trên tờ giấy tập trắng do bà D đưa để làm tin cho phía bà D làm môi giới mua bán đất lấy tiền hoa hồng chứ không có mượn tiền bà D, nhưng toàn bộ nội dung ghi giấy mượn tiền là do người khác ghi và người ghi đã có lời khai, tờ tường trình trình bày rõ trong hồ sơ là viết dùm theo yêu cầu của bà D và khi viết không có chữ ký và chữ viết tên của bà P, cũng không biết bà P là ai (bút lục 39,42). Tại phiên tòa phúc thẩm lần đầu phía bà P trình bày nhân chứng chị T1 là con của bà D nên không khách quan, tuy nhiên theo xác nhận của Công an xã Đ, huyện A thì chị T1 không phải là con bà D, do đó khai nại của bà P không có cơ sở chứng cứ pháp lý để Hội đồng xét xử xem xét theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Từ cơ sở nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà P và quan điểm tranh luận của Luật sư K, chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2] Về án phí dân sự phúc thẩm, phía bà P phải chịu án phí 300.000 đồng do nội dung kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Đinh Thị P.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2023/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị D đối với bị đơn bà Đinh Thị P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Đinh Thị P và ông Huỳnh Văn T liên đới trả cho bà Trần Thị D số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà P và ông T liên đới nộp án phí giá ngạch số tiền: 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Hoàn trả cho bà D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0005799 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà P phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà P đã nộp theo biên lai thu số 0002975 cùng ngày 20/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện U Minh Thượng;
- CCTHADS huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán Thẩm phán Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thế Mạnh Nguyễn Thị N1 Lê Lâm S

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện An Minh;
- CCTHA dân sự huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Sơn